TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G/R** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T- do - Hạnh phúc**

Bản án: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 / 8 / 2018
V/v : "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình- xin ly hôn*"

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G/R, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn Tám**
- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Hòang Nam**
2. Bà **Trần Ngọc Điệp**

- *Th- ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung-**Th- ký Tòa án nhân dân huyện G/R.

- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện G/R:* Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G/R đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 275/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **C**, sinh năm: 1978 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh **D**, **s**inh năm: 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đồng Tràm, xã Long Thạnh, huyện G/R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, chị C nh- sau: Chị và anh D tự tìm hiểu nhau tr- ớc rồi mới tiến tới hôn nhân và hôn lễ đ- ợc tổ chức vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, th- ờng xuyên xảy ra cải vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin đ- ợc ly hôn.

Về phần con cái: Có 02 con chung tên: B, sinh măm 2001 và L, sinh năm 1999, các con đã tr- ởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng đã tự thõa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của bị đơn, anh D nh- sau: Anh xác nhận lời trình bày của chị C là hòan tòan đúng, anh cũng đồng ý ly hôn, về con cái có 02 con chung tên: B, sinh măm 2001 và L, sinh năm 1999, các con đã tr- ởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản và nợ vợ chồng đã thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị C với anh D là hôn nhân và gia đình-xin ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện G/R thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 27 tháng 7 năm 2018, Tòa án tiến hành mở phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đ- ơng sự tự thỏa thuận với nhau đối với hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn về phần con cái cũng nh- tài sản và nợ và kết quả đ- ợc ghi nhận nh- sau: Chị C và anh D thống nhất về phần con cái đã tr- ởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản và nợ vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, chị C và anh D giữ nguyên yêu cầu.

[2.3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh D tự nguyện đến với nhau và có tổ chức lễ c- ới theo tập quán địa ph- ơng, thời gian chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và sinh đ- ợc 02 người con đã tr- ởng thành nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 cụ thể như sau:

Khoản 1. "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống vối nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này…*".

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị C và anh D không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa chị C đối với anh D.

[2.4] Về phần con cái: Có 02 con chung tên: B, sinh năm 2001 và L, sinh năm 1999, các con đã tr- ởng thành, chị C và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết phù hợp theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên miễn xét.

[2.5] Về phần tài sản và nợ: Chị C và anh D tự thõa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết phù hợp theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên miễn xét.

[2.6] Về án phí: □p dụng khoản 4 □iều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- □n phí ly hôn sơ thẩm chị C phải nộp là 300.000 đồng nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002739, ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G/R, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, khoản 4 □iều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận giữa chị C đối với anh D là vợ chồng.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải nộp là 300.000 đồng nh- ng đ- ợc khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002739, ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G/R, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị C, anh D biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng T- pháp GR:
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.